TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Ẩn dụ qua Kinh Giáo Thọ Thi Ca La Việt trong Kinh Trường Bộ

ISSN: 2734-9195 14:30 01/05/2026

Trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ là cao cả, quý giá hơn bao giờ hết, cho dù phải hy sinh thân mạng này đi chăng nữa cũng không báo đáp hết công ơn cha mẹ, và không chỉ đối với thế gian mà đối với người xuất gia cũng vậy.

Tác giả: **Thích Vạn Nghiêm**
Học viên Cao học Khoa Triết học Phật giáo, Khóa IV - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế

A. Đặt vấn đề

Trong hầu hết các thời thuyết pháp của đức Phật thì Ngài sử dụng nhiều hình ảnh ẩn dụ, vừa là phương tiện truyền tải giáo pháp một cách hiệu quả, vừa là phương thức để giúp cho người đọc nhận thức sâu sắc những triết lý mà Ngài muốn gửi gắm qua các bài kinh khác nhau.

Ẩn dụ giúp người học dễ hiểu, dễ nắm bắt được triết lý của Ngài, và có thể tìm thấy trong tạng Nikāya, Āgama rồi đến Đại thừa xuất hiện nhiều hình ảnh ẩn dụ đặc sắc.

Ẩn dụ với sự đặc trưng là ngôn ngữ liên tưởng, so sánh ngầm, được đức Phật sử dụng một cách thiện xảo để nói lên sự thật về khổ đau và an lạc, hư ngụy và chân thật trong đời sống tâm thức của con người, cũng như dùng nó để ngầm giới thiệu một cảnh giới an lạc giải thoát khỏi mọi phiền não trần thế.

Để tìm hiểu nghiên cứu kỹ về ẩn dụ cần phải đi sâu vào bài kinh cụ thể thì mới thấy được điều này. Xuất phát từ những vấn đề đó, tác giả - chọn đề tài: "*Ẩn dụ qua Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt (Siṅgālovāda Sutta) trong Kinh Trường Bộ*" để tiến hành phân tích.

B. Nội dung

1. Tổng quan về Kinh Trường Bộ

Kinh Trường Bộ (P. Dīgha Nikāya) là bộ đầu tiên trong năm bộ kinh Pāli của Phật giáo Thượng Tọa bộ (Theravāda) với tuyển tập 34 kinh dài, tương ứng với 30 bài Trường A-hàm kinh (S. Dīrgha Āgama). Kinh Trường Bộ và Trường A-hàm kinh có một số điểm dị biệt về thứ tự các bài kinh, cách đặt tựa đề kinh, các khái niệm và nội dung từng bài kinh.

Về nội dung, Kinh Trường Bộ đề cập các vấn đề đạo đức, tu tập, triết học, và tường thuật các đối thoại liên tôn giáo và triết học giữa đức Phật với các đạo sĩ Sa-môn và Bà-la-môn đương thời. Thông qua đó, giúp chúng ta hình dung các phong trào tôn giáo và triết học thời đức Phật; đồng thời, cho thấy triết học thực tiễn của đạo Phật vượt lên trên các tôn giáo hữu thần và vô thần thời đức Phật.

Về phân loại, Kinh Trường Bộ được chia thành 3 phẩm (Vagga):

- (1) Phẩm Giới uẩn (Sīlakkhandhavagga) gồm 13 bài kinh nói về các vấn đề đạo đức chuẩn mực và thanh cao.

- (2) Phẩm Đại (Mahāvagga) gồm 10 bài kinh nói về cuộc đời đức Phật và các giáo pháp căn bản.

- (3) Phẩm Ba-lê (Pāthikavagga) gồm 11 bài kinh giới thiệu về vũ trụ luận, cách tu của ngoại đạo, trách nhiệm gia đình, xã hội và con đường tâm linh.

Về bản dịch tiếng Anh, hiện có 3 bản dịch Anh ngữ hoàn chỉnh và một số bản trích dịch. Quyển Dialogues of the Buddha (Đối thoại của đức Phật) do T. W. Rhys Davids và C. A. F. Rhys Davids dịch, 3 quyển, NXB. Pali Text Society, năm 1899-1921 là bản dịch sớm nhất. Bản dịch của Bhikkhu Sujato có tựa đề: The Long Discourses (Các bài kinh dài), xuất bản năm 2018 dưới dạng E-book.

Tại Việt Nam, bản dịch của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu với tựa đề Kinh Trường Bộ, xuất bản 3 lần mới trọn bộ vào các năm 1965, 1967 và 1972. Từ năm 1991 đến nay được tái bản nhiều lần, bản dịch của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu được xem là bản dịch trung thành với nguyên tác bản Pāli, góp phần làm thay đổi tích cực hệ thống Phật học tại Việt Nam.

2. Đặc điểm nổi bật Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt (Siṅgālovāda Sutta)

Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt (P. Siṅgālovāda Sutta, H. 教授尸迦羅越 經) tương đương Thiện Sinh kinh, giới thiệu điển hình về 6 mối quan hệ xã hội.

- Về gia đình có: (1) Cha mẹ - con cái; (2) Vợ - chồng; (3) Bà con - thân quyến.

- Về giáo dục và nghề nghiệp có: (4) Thầy cô giáo - học trò; (5) Chủ lao động - người lao động.

- Về tôn giáo có: (6) Nhà tôn giáo - tín đồ. Mỗi bên được khuyên nên giữ gìn 5 trách nhiệm cao quý, góp phần xây dựng hạnh phúc gia đình, xã hội và tâm linh.

Tiếp đến đức Phật giải thích, "*Trong luật pháp bậc Thánh, lễ bái sáu phương có nghĩa là diệt trừ bốn nghiệp phiền não, không làm điều ác theo bốn lý do, không theo sáu nguyên nhân phung phí tài sản*." [1; tr.432]

Bốn nghiệp phiền não cụ thể: sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ. Không làm ác nghiệp theo bốn lý do là không do tham dục, sân hận, ngu si, sợ hãi mà làm các ác hạnh. Và không phung phí tài sản theo sáu nguyên nhân là đam mê rượu chè, du hành đường phố phi thời, la cà đình đám hí viện, đam mê cờ bạc, giao du ác hữu và quen thói lười biếng.

Rồi Đức Phật giải thích thêm có bốn hạng người không đươc xem là bạn cụ thể như sau: người vật gì cũng lấy, người chỉ biết nói giỏi, người khéo nịnh hót, người tiêu pha xa xỉ. Lại có bốn hạng người được xem là bạn chân thật: người bạn giúp đỡ, người bạn chung thủy trong khổ vui, người bạn khuyên điều lợi ích, người bạn có lòng thương tưởng.

Cuối cùng, đức Phật giải thích vị Thánh đệ tử hộ trì sáu phương như thế nào. Phương Đông cần được hiểu là cha mẹ; phương Nam cần được hiểu là Sư trưởng, phương Tây cần được hiểu là vợ chồng; phương Bắc cần được hiểu là bạn bè, phương dưới cần được hiểu là tôi tớ lao công, và phương trên cần được hiểu là Sa-môn, Bà-la-môn.

3. Tìm hiểu ẩn dụ qua các phương diện

3.1. Khái niệm phân loại ẩn dụ

Từ "*ẩn dụ*" (metaphor) vốn xuất phát từ ngôn ngữ cổ đại Hy Lạp là "*metapherein*", có nghĩa là "*mang theo*". Cụ thể ẩn dụ với ý nghĩa nhấn mạnh vào các khái niệm, sự vật hiện tượng này, sang các khái niệm, sự vật hiện tượng khác, bằng cách nêu rõ và ngụ ý rằng cái này giống với cái kia.

Theo từ điển Tiếng Việt của GS. Hoàng Phê thì như sau: "*Ẩn dụ là biện pháp so sánh ngầm, dùng tên gọi của đối tượng này làm tên gọi của đối tượng khác, dựa trên sự liên tưởng mối quan hệ tương đồng giữa hai đối tượng về mặt nào đó*

như màu sắc, tính chất, trạng thái, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự vật hiện tượng được diễn đạt." [2; tr.22]

Ẩn dụ được phân loại trên bốn phương diện: Ẩn dụ về hình thức, ẩn dụ về cách thức, ẩn dụ về phẩm chất, ẩn dụ về chuyển đổi cảm giác, cụ thể như sau:

- Ẩn dụ hình thức: có thể được hiểu dựa vào các điểm tương đồng hoặc các điểm giống nhau giữa các sự vật hiện tượng về hình thức. Và khi dùng thì người nói dấu đi một phần ý nghĩa.

- Ẩn dụ cách thức: là cách thức đặt ra vấn đề theo nhiều cách nhưng tương đồng với nhau về nội dung, cách này làm cho người nói diễn đạt hàm ý sâu sắc.

- Ẩn dụ phẩm chất: là cách dùng các đặc tính và phẩm chất tương đồng của các sự vật hiện tượng này, đi cùng với các sự vật hiện tượng khác.

- Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: là dựa trên các đặc tính riêng biệt của sự vật hiện tượng nhất định. Được nhận biết bằng các giác quan, tuy nhiên lại được diễn tả bằng các giác quan khác.

3.2. Chức năng của ẩn dụ

- Chức năng biểu cảm: Ẩn dụ giúp người nói hay người viết bộc lộ tình cảm, cảm xúc, đối với đối tượng được thể hiện một cách kín đáo, tế nhị. Và ngược lại, để thể hiện sự phê phán, thì sử dụng ẩn dụ mang tính tiêu cực, xấu đi.

- Chức năng tạo dựng hình ảnh: Ẩn dụ giúp tạo dựng những hình ảnh hoa mĩ, đẹp đẽ. Qua đó gợi lên những nét đẹp đặc trưng của các sự vật hiện tượng.

- Chức năng thẩm mĩ: Ẩn dụ giúp tạo nên giá trị thẩm mĩ rất sâu sắc, làm nên vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng, qua ngôn từ bóng bẩy, hấp dẫn, lôi cuốn. Đánh mạnh vào trong tâm trí người người đọc những giá trị chân – thiện - mỹ.

- Chức năng nhận thức: Ẩn dụ thể hiện sự nhận thức đa dạng phong phú, sâu sắc, của người đọc đối với các sự vật, hiện tượng, cũng như mối quan hệ giữa chúng.

Đồng thời, ẩn dụ góp phần phát triển tư duy nhận thức cho người đọc, mở ra khả năng vô tận cho việc nhận biết những nét tương đồng của các sự vật hiện tượng khác nhau trong thế giới này.

3.3. Ý nghĩa của ẩn dụ

Ẩn dụ có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc triển khai những nội dung tư tưởng, điều trăn trở, suy tư mà tác giả muốn gửi gắm đến với người đọc thông

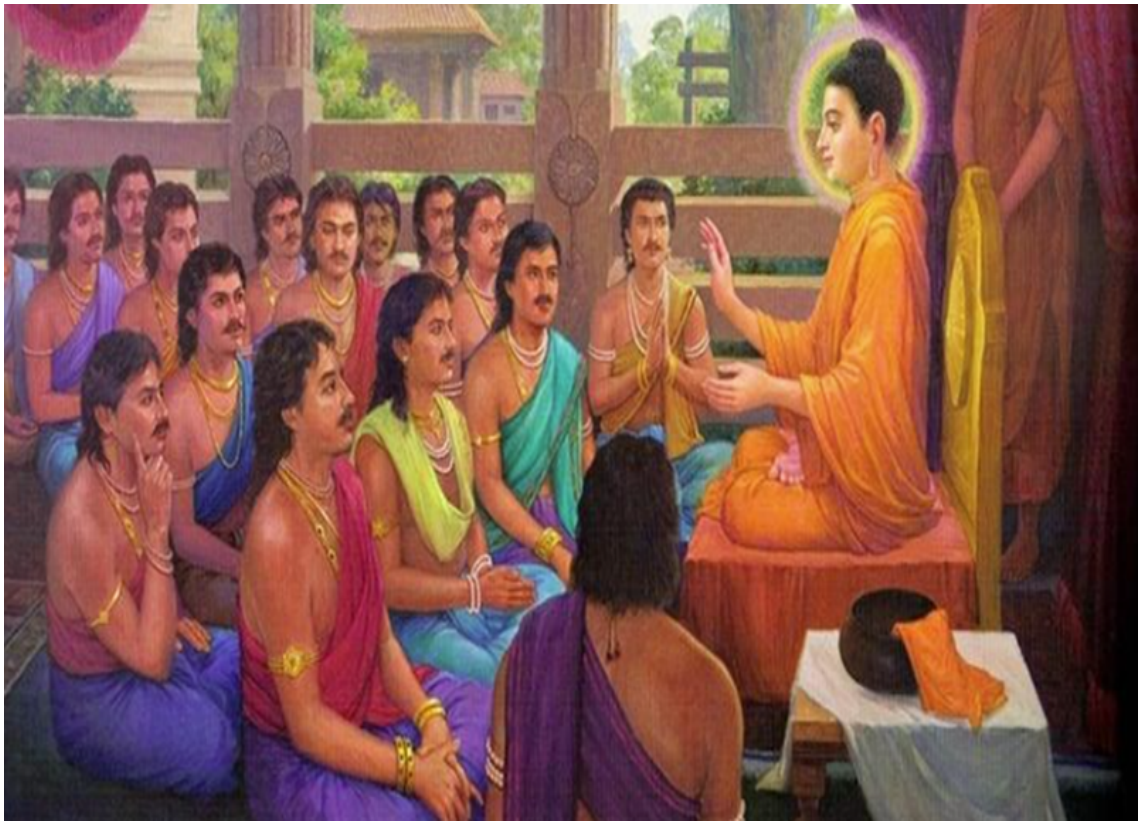
qua các tác phẩm. Và được cụ thể hóa qua ngôn ngữ ẩn dụ, không chỉ ở trong Kinh điển Phật giáo nói chung cụ thể trong Kinh Trường bộ, mà còn các tác phẩm văn học nói riêng.

Qua lăng kính ẩn dụ, sẽ giúp cho người đọc thấy được cái sâu sắc, tài tình của đức Phật trong việc vận dụng ngôn ngữ ẩn dụ, để truyền tải triết lý quan trọng qua các thời pháp khác nhau. Nhằm mục đích giúp người đọc nắm bắt và nhận thức sâu sắc, những giá trị ý nghĩa của các pháp tồn tại xung quanh con người chúng ta.

Do dó, ẩn dụ đóng một vai trò quan trọng và có một ý nghĩa to lớn trong việc truyền tải các nội dung tư tưởng, triết lý trong các Kinh điển Phật giáo cụ thể là Kinh Trường Bộ, trong các tác phẩm văn học, và ở các lĩnh vực khác nhau trong đời sống nữa.

Chính vì vậy, giúp cho người đọc và các nhà nghiên cứu khi tìm hiểu về Kinh tạng Nikāya không phải khô khan, lặp đi lặp lại một cách nhàm chán như mọi người đã lầm tưởng. Bởi vì, các bản kinh trong Kinh tạng Nikāya lặp đi lặp lại nhiều lần là có dụng ý, suy tư, trăn trở của đức Phật muốn gửi gắm, truyền tải các triết lý cho các vị đệ tử của mình qua các thời giảng pháp khác nhau.

Do đó, khi đọc tìm hiểu và nghiên cứu về Kinh tạng Nikāya, người đọc phải trầm tư, suy tư, nghiễn ngẫm các bài Kinh mà đức Phật đã thuyết giảng, thì sẽ thấy được cách thức triển khai các vấn đề của đức Phật tràn đầy hình ảnh ẩn dụ, hoán dụ, thí dụ, so sánh. Điều này cho thấy, đức Phật đã sử dụng các phương pháp khéo léo, uyển chuyển để giảng giải cho các vị đệ tử.



Ảnh sưu tầm

4. Các ẩn dụ tiêu biểu qua Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt (Siṅgālovāda Sutta) trong Kinh Trường Bộ với các phương diện nổi bật

4.1. Ẩn dụ về cách thức qua việc xây dựng các chuẩn mực đạo đức của giới tại gia

Đối với vấn đề này, đức Phật đã khéo léo vận dụng ngôn ngữ ẩn dụ qua phương diện cách thức "*nhằm bày tỏ sự thật của đời sống, diễn đạt về một hình ảnh trường hợp cụ thể, để minh họa cho vấn đề được nêu ra, gắn liền với những hiện tượng, sự vật, sự kiện xảy ra trong đời sống hàng ngày*" [3; tr.53]. Cụ thể ở đây, đó chính là cách thức điển hình để xây dựng chuẩn mực đạo đức của giới tại gia, để giúp xây dựng cuộc sống an lạc hạnh cho tự thân và tha nhân, bằng cách đức Phật nêu 14 điều tội lỗi mà giới tại gia nên tránh:

(1) Bốn nghiệp phiền não cần diệt trừ: Giết hại các quần sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối. Cụ thể: "*Thế nào là bốn nghiệp phiền não đã được diệt trừ? Này gia chủ tử, đó là nghiệp phiền não sát sinh, nghiệp phiền não trộm cắp, nghiệp phiền não tà dâm, nghiệp phiên não nói láo*." [4; tr.538]

(2) Không làm ác nghiệp theo bốn lý do: Ác nghiệp làm do tham dục, sân hận, ngu si, sợ hãi.

(3) Không theo sáu nguyên nhân phung phí tài sản: Đam mê các loại rượu là nguyên nhân phung phí tài sản; du hành đường phố phi thời; la cà đình đám hý viện; đam mê cờ bạc; giao du ác hữu; quen thói lười biếng là nguyên nhân phung phí tài sản.

Chính vì vậy, đức Phật khuyên nên tu tập hành trì để đạt được các pháp hoàn thiện cho bản thân mình và về sau giúp đỡ được cho tất cả mọi người cụ thể gồm:

"*(1) Bố thí, (2) Trì giới, (3) Xuất gia, (4) Trí tuệ, (5) Tinh tấn, (6) Nhẫn nại, (7) Chân thật, (8) Quyết định, (9) Tâm từ, (10) Tâm xả*" [5; tr.310].

Đồng thời, con người cần phải vượt qua sự giận dữ bằng tình thương, hãy mở rộng tâm từ bi yêu thương tất cả mọi người, hãy để cho con người khắc phục lỗi lầm bằng các điều thiện. Vì vậy, đức Phật đã khéo léo tài tình trong việc vận dụng ngôn ngữ ẩn dụ qua phương diện cách thức, để truyền tải và hướng dẫn thực hành các pháp, để hoàn thiện bản thân mình và mọi người, nhằm mục đích đem lại an lạc hạnh phúc cho tất cả mọi người, giúp con người mở rộng lòng từ bi bao la rộng lớn để yêu thương tất cả mọi người trên khắp thế gian này.

4.2. Ẩn dụ về cách thức nổi bật qua việc phụng dưỡng cha mẹ

Ẩn dụ là một thể cách đặc biệt của ngôn ngữ kinh tạng, nhất là kinh tạng Nguyên thủy cụ thể ở đây Kinh Trường Bộ, luôn gắn liền với thực tiễn trong đời sống hàng ngày rất sống động, gần gũi.

Vì vậy đức Phật đã khéo léo sử dụng ẩn dụ cách thức, gắn liền với sự kiện xảy ra trong đời sống tâm thức, tình cảm của con người, đó chính là qua việc phụng dưỡng cha mẹ như phương Đông: "*Được nuôi dưỡng, tôi sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ; tôi sẽ làm bổn phận đối với cha mẹ; tôi sẽ gìn giữ gia đình và truyền thống; tôi bảo vệ tài sản thừa tự; tôi sẽ làm tang lễ khi cha mẹ qua đời.*" [4; tr.542].

Vì vậy, trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ là cao cả, quý giá hơn bao giờ hết, cho dù phải hy sinh thân mạng này đi chăng nữa cũng không báo đáp hết công ơn cha mẹ, và không chỉ đối với thế gian mà đối với người xuất gia cũng vậy.

Người xuất gia phải lấy việc thành đạo lợi sinh làm cách báo ân tối thượng, chẳng những báo đền cha mẹ đời này mà còn nhiều đời, hết thảy cha mẹ trong tứ sinh lục đạo từ vô lượng kiếp. "*Chẳng những chỉ hiếu kính khi cha mẹ còn sống, mà còn phải cố gắng độ thoát linh thức của cha mẹ khiến họ được vĩnh viễn thoát khỏi nỗi khổ luân hồi*" [6; tr.230]. Bởi vậy, mới nói đạo Phật chính là đạo hiểu thảo là vậy, đạo hiếu thảo là cao cả luôn đứng đầu tiên của con người. Cụ thể qua hình ảnh, vì thương nhớ mẹ đơn chiếc ở nơi quê hương xa xôi nên lo

lắng thương mẹ vô cùng:

"*Ai đi về phía quê tôi,*
Làm ơn cho nhắn vài lời nhớ thương.
Xa xôi buồn nhớ quê hương,
Mẹ già một nắng hai sương mỏi mòn.
Ra đi một sáng tinh sương.
Mẹ ôi, con vẫn nhớ lời mẹ khuyên".

Chính vì vậy, đức Phật đã khéo léo phương tiện sử dụng ngôn ngữ ẩn dụ qua phương diện cách thức, để truyền tải những triết lý gần gũi gắn bó với thực tiễn cuộc sống qua việc phụng dưỡng là cha mẹ, là trách nhiệm bổn phận của tất cả người con. Nhằm mục đích để giáo dục và đánh mạnh vào trong tâm thức của mỗi con người về tấm lòng hiếu thảo là quan trọng và quý giá nhất trên đời này.

4.3. Ẩn dụ về cách thức đề cập xây dựng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc

Ẩn dụ cách thức nhấn mạnh cách đặt ra vấn đề theo nhiều cách khác nhau, nhưng tương đồng tương quan với nhau về nội dung tư tưởng sâu sắc. Cụ thể, ở đây đức Phật vận dụng cách thức này để trình bày theo quan hệ nhân quả, một quan hệ rất phổ biến, khách quan trong đời sống thực tiễn của con người.

Điển hình ở đây là hình ảnh ẩn dụ về cách thức, để xây dựng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc qua các phương diện: "*Có năm cách người chồng phải đối xử với vợ như phương Tây: Kính trọng vợ, không xem thường vợ, chung thủy với vợ, giao quyền hành cho vợ, sắm đồ nữ trang cho vợ. Và người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách: Thi hành tốt đẹp bổn phận của mình, khéo tiếp đón bà con, chung thủy với chồng, khéo gìn giữ tài sản của chồng, khéo léo và nhanh nhẹn làm mọi công việc.*" [4; tr.543]

Vì vậy, vợ chồng gặp nhau là do nhân duyên, cần phải yêu thương chăm sóc lẫn nhau, cùng xây dựng đời sống hạnh phúc trong gia đình, cùng nuôi dạy con cái. Bởi vì: "*Mọi người gặp gỡ nhau trong kiếp sống này và sống chung với nhau như vợ chồng, phải có nhân duyên với nhau. Cho nên, vợ chồng sống chung với nhau trong một gia đình, phải đồng cảm đồng tình với nhau, thương yêu quý trọng lẫn nhau.*" [7, tr.284]

Vì vậy, vợ chồng phải có cùng suy nghĩ, có cùng niềm vui và nỗi buồn, chia sẻ động viên lẫn nhau, cho đến luôn luôn có lời nói, tâm tư yêu thương lẫn nhau. Mỗi ngày sống chung trong một mái nhà, vợ chồng nhìn nhau bằng ánh mắt yêu thương chan hòa, do đó: "*Tình yêu thương chính là hoàn thiện lẫn nhau, chấp*

nhận, dung hòa điều chưa hoàn thiện của đối phương, đó chính là tình yêu thương chân thật vợ chồng." [8, tr.216]

Vì thế, đức Phật đã khéo léo vận dụng ẩn dụ cách thức để truyền đạt các triết lý thì giá trị triết lý không những càng hiển lộ rõ lên, mà nó còn đánh mạnh vào nhận thức sâu sắc của con người, qua ẩn dụ điển hình về mối quan hệ xây dựng vợ chồng hạnh phúc. Vì lẽ đó, đức Phật dùng ngôn ngữ ẩn dụ như là một phương tiện thiện xảo để truyền đạt các pháp và ẩn dụ là một đặc trưng tiêu biểu rất phổ quát. Và điều đó cũng cho thấy năng lực vô ngại biện tài của Phật, trong việc vận dụng các phương thức để truyền đạt giáo pháp một cách hiệu quả nhất đến với tất cả thính chúng khác nhau.

C. Kết luận

Ở kinh tạng Nguyên thủy ẩn dụ phần lớn mang tính cách hiện thực cụ thể, gắn liền với đời sống tu tập thực tiễn của con người. Các ẩn dụ do đó, luôn luôn được xem như là những biểu hiện chính xác của tâm thức. Biểu đạt các vấn đề rõ ràng cụ thể, bình dị trong đời thường, không nhằm hướng đến một đối tượng đặc thù cá biệt nào, mà nhấn mạnh tính thực tại các vấn đề của con người trong đời sống hàng ngày.

Chính vì vậy, đức Phật đã khéo léo phương tiện vận dụng ẩn dụ như là phương tiện để truyền tải giáo pháp qua các bài kinh khác nhau. Đồng thời, ẩn dụ như là phương thức để đức Phật chuyển hóa nhận thức của con người, trong việc nhận biết thế giới các sự vật hiện tượng xung quanh, và nhấn mạnh bản chất các pháp là **Duyên sinh**, vô thương, khổ, vô ngã.

Khi thấu hiểu được điều đó, con người đến với sự tu tập hành trì, làm thăng hoa đời sống tâm linh, thiết lập được niềm an lạc hạnh phúc cho tự thân và tha nhân.

Tài liệu tham khảo:

1. Thích Minh Châu (2011), Dàn ý Kinh Trung Bộ & Tóm tắt Kinh Trường Bộ, Nxb. Tổng hợp Thành Phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh

2. Hoàng Phê (2021), Từ điển Tiếng Việt, Nxb. Hồng Đức, TP. Hồ Chí Minh

3. Thích Tâm Thiện (2000), Tìm hiểu ngôn ngữ kinh điển Phật giáo, Nxb. Thành Phố Hồ Chí Minh.

4. Tam Tạng Thánh Điển Phật Giáo Việt Nam (2020) (Thích Minh Châu dịch), Kinh Trường bộ tập 1, Nxb. Hồng Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh.

5. Ban Giáo Dục Tăng Ni Trung Ương (2012), Hội Thảo Khoa Học: Giáo Dục Phật Giáo - Định Hướng & Phát Triển, Lưu hành nội bộ.

6. Cư Sĩ Lý Viên Tịnh Kết Tập - Bửu Quang Tự Đệ Tử Như Hòa Chuyển Ngữ (2013), Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục, Nxb. Taiwan.

7. Thích Trí Quảng (2011), Phật giáo nhập thế và phát triển quyển 3, Nxb. Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.

8. Vạn Lợi Quán Như (Biên Soạn) (2020), 365 Ngày Tâm An, Nxb. Lao Động, Hà Nội.

Tác giả: **Thích Vạn Nghiêm -** Học viên Cao học khoa Triết học Phật giáo, Khóa IV - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.